

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ- ST

Ngày 23/04/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đình Đoài

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật –Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về vụ kiện: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T H B, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T H B, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị V trình bày: tôi và anh Lê Văn L chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân An, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/6/2002. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 03 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc, nhưng đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi không lo làm ăn, thường xuyên đi chơi bời, đá gà, cờ bạc, tôi có khuyên chồng tôi thì chồng tôi chửi bới tôi, thậm chí còn đánh đập tôi. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Tôi xét thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay vợ chồng tôi đã sống ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung gồm:

1/ Lê Quang L, sinh ngày 12/10/1999

2/ Lê Quang D, sinh ngày 05/12/2005

Hiện nay cháu L và cháu D đang chung sống với chồng tôi,

- Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị V yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Lê Văn L.

Về quan hệ con chung: Do cháu Lê Quang L đã trưởng thành, tôi xin được nhận nuôi dưỡng cháu Lê Quang D, tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

* **Bị đơn anh Lê Văn L trình bày trình bày:** Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 29/03/2018 của anh Lê Văn L trình bày là qua lời trình bày của vợ tôi là Nguyễn Thị V về ngày, tháng, năm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, có 02 con chung, không có tài sản chung, hai vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng là đúng. Còn về mâu thuẫn của vợ chồng là do tôi có ăn chơi, đá gà, tôi xin cho tôi một cơ hội để thay đổi bản thân và để làm ăn lại, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay vợ tôi cương quyết xin ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý ly hôn. Vì hiện nay tôi rất thương yêu vợ con tôi.

Tại Tòa án anh L yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với cô Nguyễn Thị V.

Về quan hệ con chung: tôi xin nhận nuôi cháu D, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Lê Văn L với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Lê Văn L, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị V về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Lê Văn L là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh L hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do anh L không lo làm ăn, thường xuyên đi chơi bời, đá gà, cờ bạc, chị V có khuyên anh L thì anh L chửi bới, thậm chí còn đánh đập chị V, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị V và anh L hiện nay đã sống ly thân. Vì vậy lời yêu cầu của chị V xin được ly hôn với anh L được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** Chị V xin được nhận nuôi cháu Lê Quang D sinh ngày 05/12/2005, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Lê Quang D sinh ngày 05/12/2005 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu là không có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do hiện nay cháu Lê Quang D 12 tuổi, hiện đang chung sống với anh L và nguyện vọng của cháu D là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với cha. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Do chị V và anh L không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] **Xét yêu cầu của anh L về quan hệ hôn nhân,** anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị V, anh xin được đoàn tụ. Xét nghĩ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh L hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là anh L không lo làm ăn, thường xuyên đi chơi bời, đá gà, cờ bạc, chị V có khuyên anh L thì anh L chửi bới, thậm chí còn đánh đập chị V, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và khi hòa giải tại Tòa án được Tòa án động viên và giải thích chính sách pháp luật cho chị V và anh L nhưng phiên hòa giải giữa chị V và anh L vẫn không thành.

Chính vì vậy bác lời yêu cầu của anh Lê Văn L.

[7] **Xét yêu cầu của anh L về quan hệ con chung:** Anh L xin được nhận nuôi cháu Lê Quang D sinh ngày 05/12/2005, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Lê Quang D sinh ngày 05/12/2005 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu là có cơ sở chấp nhận. Vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do hiện nay cháu Lê Quang D 12 tuổi, hiện đang chung sống với anh L và nguyện vọng của cháu D là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với cha. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: chị V phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007828 ngày 01/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn L được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Quang D, sinh ngày 05/12/2005 cho anh Lê Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị V nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007828 ngày 01/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị V đã nộp đủ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định

tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị V biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Lê Văn L biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Đình Đoài